

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 21 tháng 5 năm 2020 đến ngày 27 tháng 5 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Đồng Xoài	0,0	248,5	- 35,1	- 43,2	- 13,5	- 44,1	+ 201,6	24,9
Bình Long	23,2	360,4	+ 66,1	+ 35,2	+ 200,3	- 24,6	+ 98,6	36,2
Bù Đãng	3,2	201,0	- 45,9	- 37,4	- 68,2	- 68,4	+ 6,4	23,1
Bù Đốp	45,0	235,0	- 27,1	+ 48,4	- 33,0	- 38,3	+ 67,9	39,6
Lộc Ninh	26,4	152,6	- 39,7	- 29,0	- 59,2	- 83,2	+ 1.227	34,9
Phước Hòa	11,9	190,0	- 28,5	- 26,8	- 29,7	- 44,8	+ 146,1	23,8
Phước Long	14,8	102,9	- 73,7	- 69,3	- 79,1	- 87,4	+ 0,6	38,0
Trị An	11,3	81,5	- 68,2	- 83,5	- 66,6	- 68,7	+ 29,6	28,2
Trung bình	17,0	196,5	- 31,5	- 25,7	- 18,6	- 57,4	+ 222,2	31,1

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích tuần qua trung bình tại các trạm đo khoảng 17,0 mm, thấp hơn TBNN 31,5%, thấp hơn so với năm 2019 là 25,7%, thấp hơn 18,6% so với năm 2018, thấp hơn 57,4% so với năm 2017 và cao hơn 222,2% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Bù Đốp (45,0 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Đồng Xoài (0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 31,1 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	14,87	69,80	- 5,9	+ 20,5	- 4,3	- 19,8	<i>Giảm</i>	99,70
Hồ NT6	2,75	2,16	78,59	- 9,1	- 5,2	- 18,8	- 19,3	<i>Tăng</i>	100,00
Hồ NT9	1,97	1,40	71,26	- 12,7	- 4,8	- 28,7	- 23,1	<i>Tăng</i>	100,00
Hồ NT8	1,3	0,92	70,96	- 15,4	+ 8,3	- 27,7	- 28,5	<i>Tăng</i>	100,00
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,49	85,73	- 0,1	- 4,8	- 12,4	- 7,7	<i>Tăng</i>	100,00
Hồ Lộc Quang	5,826	2,61	44,71	- 35,4	- 23,6	- 37,5	- 42,9	<i>Giảm</i>	90,57
Hồ Tân Lợi	2,87	2,83	98,63	+ 11,3	+ 14,3	- 1,4	- 0,6	<i>Tăng</i>	100,00
Hồ Suối Ông	0,386	0,05	13,74	- 80,3	+ 6,7	- 83,7	- 86,1	<i>Giảm</i>	82,36
Hồ Bàu Úm	1,58	0,85	53,98	- 35,1	- 18,3	- 40,2	- 45,6	<i>Tăng</i>	79,63
Hồ NT 4	2,615	2,29	87,65	+ 1,0	- 5,2	- 10,5	+ 1,3	<i>Giảm</i>	100,00
Đập Thọ Sơn	0,963	0,65	67,13	- 21,6	- 28,3	- 31,8	- 24,5	<i>Giảm</i>	100,00
Hồ Đồng Xoài	9,66	4,23	43,75	- 28,7	- 13,3	- 25,2	- 43,2	<i>Giảm</i>	99,61
Hồ Bù Môn	0,2	0,12	60,87	- 15,8	- 27,3	+ 143,5	- 38,6	<i>Giảm</i>	100,00
Hồ Sa Cát	1,327	1,19	89,72	+ 5,6	- 2,0	- 5,9	- 7,7	<i>Giảm</i>	100,00
Hồ An Khương	2,6	0,92	35,55	- 39,1	- 30,9	- 46,5	- 47,1	<i>Giảm</i>	87,64
Hồ Ông Thoại	1,765	1,54	87,32	+ 5,9	- 1,3	- 9,6	+ 7,2	<i>Tăng</i>	100,00
Hồ Cồn Đơn	165,49	104,11	62,91	- 23,0	- 0,8	- 32,8	- 19,6	<i>Tăng</i>	87,26
Trung bình/Tổng	224,342^(*)	142,24	63,40	- 17,6	- 6,8	- 16,1	- 26,2		89,99

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là **224,342** triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 20/5/2020 ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 142,24 triệu m³ (đạt 63,40% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ các năm 2017, năm 2018, năm 2019 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTTK như: Hồ Lộc Quang (44,71% DTTK), hồ Suối Ông (13,74% DTTK), hồ Đồng Xoài (43,75% DTTK) và hồ An Khương (35,55% DTTK).

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 5 của vụ Hè Thu năm 2020 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **5,63** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2020				
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 5 cho vụ Hè Thu năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		384,00	50,00	1.362,0	23	5,63
1	Hồ Suối Giai		50,0	130,0	3	0,44
2	Hồ NT6		0	10	0	0,03
3	Hồ NT9		0	30	0	0,08
4	Hồ NT8		0	25	0	0,07
5	Hồ NT2 - Đ7		0	40	0	0,13
6	Hồ Lộc Quang	130	0	270	4	1,05
7	Hồ Tân Lợi		0	70		0,30
8	Hồ Suối Ông	10	0	0	1	0,02
9	Hồ Bầu Úm	4	0	0	2	0,01
10	Hồ NT 4		0	150	0	0,36
11	Đập Thọ Sơn		0	70	0	0,22
12	Hồ Đồng Xoài		0	44	8	1,06
13	Hồ Bù Môn		0	0	0	0,00
14	Hồ Sa Cát		0	60	0	0,15
15	Hồ An Khương	110	0	33	2	0,29
16	Hồ Ông Thoại		0	30	0	0,22
17	Hồ Càn Đơn	130	0	400	3	1,20

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 5 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Suối Giai	0,59
2	Hồ NT6	0,38
3	Hồ NT9	0,27
4	Hồ NT8	0,90
5	Hồ NT2 - Đ7	0,16
6	Hồ Lộc Quang	0,60
7	Hồ Tân Lợi	0,18
8	Hồ Suối Ông	0,08
9	Hồ Bầu Úm	0,01
10	Hồ NT 4	0,64
11	Đập Thọ Sơn	0,10
12	Hồ Đồng Xoài	0,24
13	Hồ Bù Môn	3,58
14	Hồ Sa Cát	0,01
15	Hồ An Khương	0,16
16	Hồ Ông Thoại	0,30
17	Hồ Càn Đơn	58,60

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 5 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 21/05/2020 đến ngày 27/05/2020 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bàu Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Càn Đơn, hồ Bù Môn.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020 từ ngày 21/05/2020 đến 27/05/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	69,80	183	69,20	100	183	Đủ nước
Hồ NT6	78,59	10	79,66	100	10	Đủ nước
Hồ NT9	71,26	30	72,46	100	30	Đủ nước
Hồ NT8	70,96	25	72,77	100	25	Đủ nước
Hồ NT2 - Đ7	85,73	40	86,44	100	40	Đủ nước
Hồ Lộc Quang	44,71	404	43,09	100	404	Đủ nước
Hồ Tân Lợi	98,63	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Suối Ông	13,74	11	12,88	100	11	Đủ nước
Hồ Bàu Úm	53,98	6	54,73	100	6	Đủ nước
Hồ NT 4	87,65	150	86,96	100	150	Đủ nước
Đập Thọ Sơn	67,13	70	66,33	100	70	Đủ nước
Hồ Đồng Xoài	43,75	52	44,77	100	52	Đủ nước
Hồ Bù Môn	60,87	0	59,24	100	0	Đủ nước
Hồ Sa Cát	89,72	60	88,79	100	60	Đủ nước
Hồ An Khương	35,55	145	34,67	100	145	Đủ nước
Hồ Ông Thoại	87,32	30	90,78	100	30	Đủ nước
Hồ Càn Đơn	62,91	533	71,57	100	533	Đủ nước
Trung bình/Tổng	63,40	1.819,0^(*)	69,80	100	1.819,0^(*)	

Ghi chú: ^(*) Giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đăng	140,9	- 1,8	- 70	- 85	Rủi ro hạn trung bình
	Đăk Ó – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riêng					

	Đakia – Bù Đốp					
Đồng Xoài	Đồng Tâm – Đồng Phú	273,4	+ 111	- 38	- 64	Rủi ro hạn thấp
	Minh Hưng – Chơn Thành					
Trung bình		207,1	+ 54,5	- 54	- 75	Rủi ro hạn thấp

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 54%, cao hơn 54,5% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Trong tuần qua, khu vực phổ biến có mưa nhỏ đến mưa vừa, nên khả năng xảy ra hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bàu; hỗ trợ khuyến khích xây dựng bể chứa nước hộ gia đình, đào ao trữ nước ở những vùng khô hạn. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo, những khu vực không đảm bảo nguồn nước chỉ xuống giống vụ Hè Thu khi mùa mưa bắt đầu.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1.819	384	1.435					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 27/05/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 156,59 triệu m³ (chiếm 69,80% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 27/05/2020 không thay đổi.

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu 2020, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các khu vực có công trình thủy lợi, cần tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên còn lại từ ao, hồ, sông suối, kênh rạch để cung cấp cho sản xuất đầu vụ Hè Thu, tiết kiệm nguồn nước từ các hồ chứa thủy lợi để dành cung cấp cho cả vụ Hè Thu, vụ Mùa. (2) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt

chế tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo, chỉ xuống giống khi mùa mưa bắt đầu. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước; (3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất. (4) Xây dựng phương án phòng, chống úng, ngập, đề phòng ngập úng cục bộ do mưa lớn, bảo đảm chủ động ứng phó, bảo vệ sản xuất sản xuất nông nghiệp đặc biệt đối với những diện tích mới gieo sạ. (5) Bố trí cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu hợp lý để phát huy hiệu quả của nguồn nước. (6) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 28/5/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG